

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

“*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Chinh.

2/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Công Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:* Bà Giản Thị Chung - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-DS ngày 13/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1973. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Trần Xuân Đ, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/6/2018, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1990 bà Hoàng Thị T và Trần Xuân Đ cưới nhau trên tinh thần tự nguyện yêu thương nhau, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Cuộc sống chung hạnh phúc trong một thời dài thì đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, do tính hai người không hợp nhau, sau đó bà và ông Đ đã sống ly thân đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đ.

- Về con chung: Trong quá trình bà và ông Đ chung sống, hai người có 04 con chung là Trần Văn T, sinh năm 1993, Trần Thị M, sinh năm 1995, Trần Thị H, sinh năm 1998 và Trần Minh N, sinh năm 2008. Các cháu T, M và H đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu N thì từ khi bà và ông Đ sống ly thân, cháu vẫn sống cùng với bà, do đó bà yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà và

ông Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn ông Trần Xuân Đ tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ông Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và về con chung giữa ông và bà T đúng như lời trình bày của bà T, ông không có ý kiến.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông công nhận hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2009 đến nay và nay xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà T có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà T có 04 con chung và ông cũng đồng ý với nguyện vọng của bà T, giao cháu N cho bà T nuôi, không trợ cấp nuôi con chung cho bà T và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng nhận định về các hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Đ. Về con chung: Giao con chung là Trần Minh N, sinh năm 2008 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét qua đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân gia đình về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, bị đơn ông Trần Xuân Đ có nơi cư trú tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đ. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Xuân Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Trần Xuân Đ tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái với quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Nay bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà T và ông Đ là vợ chồng. HĐXX xét thấy tình cảm giữa bà T và ông Đ thực sự không còn, hôn nhân giữa bà T và ông Đ không hợp pháp, nên áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận bà Hoàng Thị T và ông Trần Xuân Đ là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông Đ và bà T có 04 con chung là Trần Văn T, sinh năm 1993, Trần Thị M, sinh năm 1995, Trần Thị H, sinh năm 1998 và Trần Minh N, sinh năm 2008. Các cháu T, M và H đã trên 18 tuổi nên cả ông Đ, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng đối với cháu N thì trong quá trình giải quyết vụ án, bà T có nguyện

vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho bà T và ông Đ cũng đồng ý.

Xét thấy nguyện vọng của bà T là phù hợp vì hiện cháu N đang sinh sống cùng bà T, đồng thời nguyện vọng của cháu N cũng mong muốn được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đ, bà T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hoàng Thị T và ông Trần Xuân Đ là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Minh N, sinh năm 2008 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Trần Xuân Đ không phải trợ cấp nuôi con nuôi con chung cho bà Hoàng Thị T.

Không ai có quyền cản trở việc đi lại thăm nom con chung.

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002657 ngày 12 tháng 6 năm 2018. Bà Hoàng Thị T đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã Dliêya;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang